

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 118/2022/HSST
Ngày 25/5/2022

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Hiệp
2. Bà Trần Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2022/HSST ngày 24/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HS ngày 14/3/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Trường Th**, sinh ngày 26/5/1987.

Nơi cư trú và chỗ ở tổ 1, phường Đ.Q, thành phố TN. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn 11/12; nghề nghiệp: Không. Con ông Nông Trường X, sinh năm 1950, con bà Vũ Thị H, sinh năm 1956. Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ 2, bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 03

+ Tại bản án số 205/HSST/2008 ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân thành phố TN xử phạt 26 tháng 9 ngày tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Nộp án phí ngày 02/01/2009.

+ Tại Bản án số 210/HSST/2011 ngày 22/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với 26 tháng 9 ngày tù của Bản án số 205 ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân thành phố TN buộc Th phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 44 tháng 9 ngày tù. Ra trại ngày 05/4/2014. Nộp án phí ngày 10/10/2011.

+ Tại Bản án số 20/2022/HSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý – Bộ Công an (trong vụ án khác). Có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1979. Nơi cư trú tổ 08, phường Đ.Q, thành phố TN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nông Trường X, sinh năm 1950. Trú tại tổ 01, phường Đ.Q, thành phố TN (Có mặt)

Người làm chứng: Chị Trần Thị Hoài A, sinh năm 1980. Địa chỉ tổ 01, phường Đ.Q, thành phố TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/01/2021, Nông Trường Th đang ở nhà tại tổ 1, phường Đ.Q, thành phố TN thì thấy tại cửa sổ tầng 2 nhà chị Trần Thị Hoài A, sinh năm 1980 (hàng xóm cạnh nhà Th) đang mở. Th nảy sinh ý định trèo sang trộm cắp tài sản, Th trèo qua cửa sổ nhà mình đi men theo tường rào trèo vào cửa sổ tầng 2 nhà chị Hoài A. Phát hiện trong phòng ngủ không có ai, Th đi vào phòng của chị Phạm Thị P, sinh năm 1979, trú tại tổ 8, phường Q.Tr, thành phố TN (là giúp việc cho gia đình chị Hoài A) đang mở cửa (trong phòng không có ai). Th vào lục lọi, tìm kiếm tài sản có giá trị trong phòng. Th lục ngăn tủ giáp với nền nhà, loại tủ đứng dựng sát tường cách cửa ra vào khoảng 1,5m, Th mở cửa tủ phát hiện bên trong có các tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Th lấy tiền ra và nhét vào túi quần bên trái, sau đó đóng cửa tủ lại và đi ra ngoài. Phát hiện dưới tầng 1 đang có người, Th quay lại theo lối cũ đã đột nhập vào và trèo qua cửa sổ về phòng của mình. Th đếm số tiền trộm cắp được 4.500.000 đồng. Số tiền này Th đã tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn khỏi địa P. Đến ngày 02/11/2021 Th bị bắt theo quyết định truy nã ở một vụ án khác.

Sau khi phát hiện mất trộm tài sản, chị A và chị P đã kiểm tra lại camera an ninh thấy Th đã vào nhà mình trộm cắp nên đã đến Cơ quan Công an trình báo để giải quyết.

Quá trình điều tra, Nông Trường Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của Th phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Vật chứng của vụ án: 4.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện không thu hồi được.

Phần dân sự: Quá trình điều tra ngày 03/11/2021 ông Nông Trường X, sinh năm 1950 (là bố của Th), trú tại tổ 1, phường Đ.Q, thành phố TN đã thỏa thuận bồi thường cho chị Phạm Thị P số tiền 4.500.000 đồng. Chị P đã nhận số tiền và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSNDTPTN ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố Nông Trường Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nông Trường Th phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b,s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nông Trường Th từ 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 56; Điều 104 Bộ luật hình sự để tổng hợp với Bản án số 20/2022/HSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Phần dân sự: Phạm Thị P đã nhận đủ số tiền do ông Nông Trường X (là bố đẻ của Th) đứng ra bồi thường. Chị P không có yêu cầu gì thêm, ông X không yêu cầu Th phải trả lại số tiền ông đã bồi thường; phần dân sự đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án: 4.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện không thu hồi được.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm nhà nước;

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu bị cáo phải trả số tiền do ông X đã bồi thường hộ

Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ chobị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại là chị Trần Thị P; chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 20 giờ ngày 26/01/2021, tại tổ 01, phường Đ.Q, thành phố TN, Nông Trường Th đã trộm cắp 4.500.000 đồng của chị Phạm Thị P và tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra Th tác động gia đình đã thỏa thuận bồi thường số tiền 4.500.000 đồng cho chị P, chị P đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm.

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ có giá trị là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố đối với bị cáo về tội dA và điều luật viện dẫn là Hn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

5.1. Về nhân Thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân rất xấu như: Bị cáo đã từng bị xét xử 2 lần về nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu bị cáo đã chấp hành xong cả hai bản án. Ngày 19/01/2022 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

5.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

5.3 Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không

lớn, có ý kiến tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s,h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

5.4. Tại bản án số 20 /2022/HSST ngày 19/01/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử 21 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 56; Điều 104 Bộ luật tố tụng hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo đã từng bị xét xử và đã được đi cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng đạo đức bản thân, ham chơi, lười lao động, thích hưởng thụ, hám lời bất chính, tiếp tục phạm tội nên cần có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử xem xét mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ để có mức án phù hợp đối với bị cáo

[6] Vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án số tiền 4.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện không thu hồi được.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 4.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị P, chị P không có yêu cầu gì thêm; tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Trường X (bố đẻ bị cáo không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền do đã đứng ra bồi thường thay bị cáo do vậy phần dân sự đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không cứ xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí: Không phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo **Nông Trường Th** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm b,s,h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 104 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Nông Trường Th 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp 21 (hai mươi một) tháng tù tại Bản án số 20/2022/HSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

4. Về vật chứng: Số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) không thu hồi được.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về

án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo; người bị hại.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ